

Số: 3348/QĐ-BQLKV3

Huế, ngày 03 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát, thiết kế BVTC dự án Xử lý sạt lở khu dân cư gần bờ sông hạ lưu khu vực Thác Trượt và khu dân cư đang sinh sống kẹp giữa đường Cao tốc La Sơn - Túy Loan với Tỉnh lộ 14B có nguy cơ sạt lở đất, đá qua địa bàn xã Khe Tre

GIÁM ĐỐC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC 3

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của UBND thành phố Huế ban hành quy định công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Huế;

Căn cứ Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về phân công, ủy quyền một số công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Huế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1883/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực 3 thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Huế;

Căn cứ Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc phê duyệt dự án Xử lý sạt lở khu dân cư gần bờ sông hạ lưu khu vực Thác Trượt và khu dân cư đang sinh sống kẹp giữa đường Cao tốc La Sơn - Túy Loan với Tỉnh lộ 14B có nguy cơ sạt lở đất, đá qua địa bàn xã Khe Tre;

Căn cứ Quyết định số 3246/QĐ-BQLKV3 ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực 3 về việc phê duyệt kế hoạch lựa

chọn nhà thầu dự án Xử lý sạt lở khu dân cư gần bờ sông hạ lưu khu vực Thác Trượt và khu dân cư đang sinh sống kẹp giữa đường Cao tốc La Sơn - Tuý Loan với Tỉnh lộ 14B có nguy cơ sạt lở đất, đá qua địa bàn xã Khe Tre;

Căn cứ hồ sơ nhiệm vụ khảo sát, thiết kế BVTC và dự toán dự án Xử lý sạt lở khu dân cư gần bờ sông hạ lưu khu vực Thác Trượt và khu dân cư đang sinh sống kẹp giữa đường Cao tốc La Sơn - Tuý Loan với Tỉnh lộ 14B có nguy cơ sạt lở đất, đá qua địa bàn xã Khe Tre do Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hoàng Phát lập; Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát, thiết kế BVTC dự án Xử lý sạt lở khu dân cư gần bờ sông hạ lưu khu vực Thác Trượt và khu dân cư đang sinh sống kẹp giữa đường Cao tốc La Sơn - Tuý Loan với Tỉnh lộ 14B có nguy cơ sạt lở đất, đá qua địa bàn xã Khe Tre với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Xử lý sạt lở khu dân cư gần bờ sông hạ lưu khu vực Thác Trượt và khu dân cư đang sinh sống kẹp giữa đường Cao tốc La Sơn - Tuý Loan với Tỉnh lộ 14B có nguy cơ sạt lở đất, đá qua địa bàn xã Khe Tre

2. Đơn vị lập nhiệm vụ: Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hoàng Phát.

3. Mục tiêu đầu tư:

- Đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản cho các hộ dân sống dọc theo bờ sông hạ lưu khu vực Thác Trượt qua địa bàn xã Khe Tre.

- Bảo vệ cơ sở hạ tầng của địa phương dọc bờ sông, tạo cảnh quan môi trường trong khu vực và hạn chế thiệt hại do mưa lũ gây ra trong các năm tiếp theo.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Khe Tre, thành phố Huế.

5. Quy mô đầu tư:

Đầu tư xây dựng tuyến kè chống sạt lở dọc hai bên bờ sông với tổng chiều dài 3.120m gồm 08 đoạn; diện tích sử dụng đất khoảng 6,8ha; quy mô chính như sau:

- Đoạn Xuân Phú 1: Chiều dài tuyến kè L=100m, gồm kè tường và kè tường kết hợp mái nghiêng.

- Đoạn Xuân Phú 2: Kè phía bờ tả dài 137,8m, kết cấu kè tường kết hợp mái nghiêng.

- Đoạn Đa Phú 1: Kè phía bờ tả dài 127,6m, kết cấu kè tường kết hợp mái nghiêng.

- Đoạn Đa Phú 2: Kè bờ tả dài 485,2m, gồm kè tường kết hợp mái nghiêng và kè mái nghiêng.

- Đoạn Hà An: Kè bờ hữu dài 712,5m, gồm đoạn xử lý gia cố hạ lưu mố cầu Hương Phú, kè tường kết hợp mái nghiêng và kè mái nghiêng.

- Đoạn Đa Phú 3: Kè bờ tả dài 559,2m, kết cấu kè mái nghiêng.

- Đoạn bờ tả cầu Lê Nô: Dài 835m, gồm kè mái nghiêng và kè mái nghiêng có cơ.

- Kè bờ hữu cầu Lê Nô: Chiều dài L=162,7m, gồm kè mái nghiêng có chân là tường BTCT khoan cấy thép vào đá nguyên khối và kè mái nghiêng có chân

gia cố rọ đá.

- Nạo vét, khơi thông, chỉnh trị hoàn trả hướng dòng chảy đoạn lòng sông từ cuối kè Xuân Phú đoạn 1 đến cuối kè Xuân Phú đoạn 2 dài khoảng 230m; xây dựng mới, hoàn trả kết nối hiện trạng các cống thoát nước, cửa thoát nước, rãnh thoát nước ngang và bậc quản lý trên tuyến kè.

6. Các nội dung của nhiệm vụ khảo sát xây dựng:

6.1. Mục đích khảo sát xây dựng:

- Phục vụ công tác lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình; thể hiện đầy đủ hình dạng, kích thước, cao độ, tọa độ các vị trí sạt lở và vị trí bố trí các hạng mục công trình.

- Xác định nhiệm vụ, quy mô, kích thước, khối lượng các hạng mục công trình làm cơ sở lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

6.2. Phạm vi khảo sát:

- Tuyến kè gia cố có tổng chiều dài $L=3.120m$; bình đồ công trình khoảng 13,808ha; phạm vi nạo vét, chỉnh trị dòng chảy khoảng 1,150ha.

- Khảo sát địa hình, địa chất phục vụ thiết kế BVTC và dự toán đối với các đoạn Xuân Phú 1, Xuân Phú 2, Đa Phú 1, Đa Phú 2, Hà An, Đa Phú 3, bờ tả cầu Lê Nô và bờ hữu cầu Lê Nô.

6.3. Yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khảo sát:

Áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, trong đó có TCVN 9398:2012, TCXDVN 309:2004, TCVN 8224:2009, TCVN 8225:2009, TCVN 8226:2009, TCVN 14302-1:2025, TCVN 14302-2:2025, TCVN 8477:2018, TCVN 8478:2018, TCVN 9155:2012 và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan khác.

6.4. Khối lượng các loại công tác khảo sát, dự toán khảo sát xây dựng:

STT	Nội dung công tác	Đơn vị	Khối lượng
1	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp III	km	2,9573
2	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp IV	km	0,1627
3	Đo vẽ bình đồ tuyến kè, nạo vét tỷ lệ 1/500 ở trên cạn, địa hình cấp III	ha	10,45
4	Đo vẽ bình đồ tuyến kè, nạo vét tỷ lệ 1/500 ở trên cạn, địa hình cấp IV	ha	0,60
5	Đo vẽ bình đồ tuyến kè, nạo vét tỷ lệ 1/500 ở dưới nước, địa hình cấp I	ha	2,76
6	Đo vẽ bình đồ công trình trên tuyến tỷ lệ 1/200 ở trên cạn, địa hình cấp III	ha	0,18
7	Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạn, địa hình cấp III	m	2.957,3
8	Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạn, địa hình cấp IV	m	162,7
9	Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn, địa hình cấp III	m	2.168
10	Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn, địa hình cấp IV	m	120
11	Đo vẽ mặt cắt ngang dưới nước, địa hình cấp I	m	572
12	Khoan máy trên cạn, độ sâu hố khoan đến 30m, cấp I-III	m	20

STT	Nội dung công tác	Đơn vị	Khối lượng
13	Khoan máy trên cạn, độ sâu hố khoan đến 30m, cấp VII-VIII	m	10
14	Đào hố kích thước (1,5x2,0x3,0)m, đất cấp V	hố	9
15	Thí nghiệm cơ lý mẫu đất nguyên dạng, trạng thái tự nhiên (7 chỉ tiêu)	mẫu	14
16	Thí nghiệm cơ lý mẫu đất nguyên dạng, trạng thái bão hòa (4 chỉ tiêu)	mẫu	14
17	Thí nghiệm cơ lý mẫu đất không nguyên dạng, trạng thái tự nhiên (5 chỉ tiêu)	mẫu	7
18	Thí nghiệm thấm trong phòng	mẫu	10
19	Thí nghiệm đổ nước trong hố khoan	đoạn	5
20	Thí nghiệm đổ nước trong hố đào	hố	9

7. Các nội dung của nhiệm vụ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

7.1. Yêu cầu chung đối với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán phải được lập trên cơ sở Quyết định phê duyệt dự án, hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, kết quả khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành có liên quan.

Nội dung thiết kế phải cụ thể hóa đầy đủ các giải pháp thiết kế đã được phê duyệt tại bước dự án; bảo đảm phù hợp với mục tiêu, quy mô, địa điểm xây dựng, loại và cấp công trình, điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn khu vực dự án; bảo đảm an toàn chịu lực, ổn định công trình, an toàn trong thi công, khai thác, vận hành và hạn chế ảnh hưởng đến khu dân cư, hạ tầng hiện hữu trong phạm vi dự án.

Dự toán xây dựng công trình phải được lập đầy đủ theo khối lượng thiết kế bản vẽ thi công, đúng định mức, đơn giá, chế độ chính sách và quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành; bảo đảm phù hợp với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

7.2. Yêu cầu về quy mô thiết kế

Thiết kế bản vẽ thi công phải thể hiện đầy đủ quy mô xây dựng tuyến kè chống sạt lở với tổng chiều dài khoảng 3.120m, gồm 08 đoạn kè chính, cụ thể:

- Đoạn Xuân Phú 1: chiều dài tuyến kè $L=100m$, gồm kè tường và kè tường kết hợp mái nghiêng;

- Đoạn Xuân Phú 2: kè phía bờ tả dài 137,8m, kết cấu kè tường kết hợp mái nghiêng;

- Đoạn Đa Phú 1: kè phía bờ tả dài 127,6m, kết cấu kè tường kết hợp mái nghiêng;

- Đoạn Đa Phú 2: kè bờ tả dài 485,2m, gồm kè tường kết hợp mái nghiêng và kè mái nghiêng;

- Đoạn Hà An: kè bờ hữu dài 712,5m, gồm đoạn xử lý gia cố hạ lưu mố cầu Hương Phú, kè tường kết hợp mái nghiêng và kè mái nghiêng;

- Đoạn Đa Phú 3: kè bờ tả dài 559,2m, kết cấu kè mái nghiêng;

- Đoạn bờ tả cầu Lê Nô: dài 835m, gồm kè mái nghiêng và kè mái nghiêng có cơ;

- Kè bờ hữu cầu Lê Nô: chiều dài 162,7m, gồm kè mái nghiêng có chân là tường bê tông cốt thép khoan cấy thép vào đá nguyên khối và kè mái nghiêng có chân gia cố rọ đá.

Ngoài các đoạn kè nêu trên, hồ sơ thiết kế phải thể hiện hạng mục nạo vét, khơi thông, chỉnh trị hoàn trả hướng dòng chảy đoạn lòng sông từ cuối kè Xuân Phú đoạn 1 đến cuối kè Xuân Phú đoạn 2, dài khoảng 230m; đồng thời thiết kế xây dựng mới, hoàn trả, kết nối hiện trạng các công trình trên tuyến như cống thoát nước, cửa thoát nước, rãnh thoát nước ngang, bậc quản lý và các hạng mục phụ trợ cần thiết khác để đảm bảo quản lý, vận hành an toàn công trình.

7.3. Nội dung thiết kế bản vẽ thi công

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công phải thể hiện đầy đủ các nội dung chủ yếu sau:

a) Thiết kế bình đồ, trắc dọc, trắc ngang tuyến kè

- Xác định chính xác tim tuyến, phạm vi tuyến kè, phạm vi nạo vét, phạm vi hoàn trả công trình hiện trạng và ranh giới ảnh hưởng trong quá trình thi công;

- Thể hiện đầy đủ cao độ tự nhiên, cao độ thiết kế, cao độ đỉnh kè, cao độ chân kè, cao độ cơ kè, rãnh thoát nước, đường quản lý đỉnh kè và các vị trí chuyển tiếp;

- Bố trí hợp lý mặt cắt ngang điển hình và mặt cắt ngang chi tiết cho từng loại kết cấu kè.

b) Thiết kế kết cấu kè

- Thiết kế chi tiết các loại kết cấu kè gồm: kè tường bê tông trọng lực M250, kè tường kết hợp mái nghiêng, kè mái nghiêng, kè mái nghiêng có cơ, kè mái nghiêng có chân tường bê tông cốt thép khoan cấy thép vào đá nguyên khối và kè mái nghiêng có chân gia cố rọ đá;

- Thể hiện đầy đủ kích thước hình học, cao độ, vật liệu, cấu tạo móng, thân kè, mái kè, chân kè, đỉnh kè, cơ kè, rãnh thoát nước, tầng lọc, vải địa kỹ thuật, rọ đá, tấm đan bê tông cốt thép, khung giằng dọc ngang và các chi tiết liên kết;

- Tính toán ổn định tổng thể, ổn định trượt, lật, lún, xói chân công trình và các yêu cầu kỹ thuật cần thiết khác đối với từng dạng kết cấu kè.

c) Thiết kế hệ thống thoát nước và công trình trên tuyến

- Thiết kế rãnh thoát nước dọc, rãnh thoát nước ngang, cửa thoát nước, cống thoát nước, bậc quản lý, đường quản lý trên đỉnh kè và các hạng mục phụ trợ khác;

- Bảo đảm khả năng thu, thoát nước mặt, thoát nước ngầm sau lưng kè, hạn chế xói lở cục bộ và bảo đảm an toàn trong quá trình khai thác;

- Hoàn trả, đấu nối phù hợp với các công trình hiện trạng trong phạm vi dự án.

d) Thiết kế nạo vét, chỉnh trị dòng chảy

- Xác định phạm vi, cao độ đáy nạo vét, chiều rộng đáy nạo vét, mái đào, chiều sâu nạo vét và khối lượng nạo vét;

- Đề xuất phương án tận dụng, san gạt, xử lý đất sau nạo vét phù hợp với điều kiện hiện trường, bảo đảm không gây ảnh hưởng bất lợi đến dòng chảy, khu dân cư và môi trường khu vực;

- Thiết kế bảo đảm mục tiêu khơi thông, chỉnh trị, hoàn trả hướng dòng chảy nhằm hạn chế xói chân bờ sông và tăng ổn định tuyến kè.

e) Thiết kế biện pháp tổ chức thi công

- Đề xuất trình tự thi công phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, mặt bằng thi công, khu dân cư hiện hữu và thời tiết khu vực;

- Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn công trình lân cận, phòng chống mưa lũ, bảo vệ môi trường và hạn chế ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân;

- Làm rõ giải pháp dẫn dòng, tiêu thoát nước tạm, thi công trong phạm vi ven sông, khu vực chân kè, vị trí xử lý rọ đá, khoan cấy thép, đổ bê tông và lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn.

f) Thiết kế hoàn trả và bảo vệ hạ tầng hiện trạng

- rà soát, xác định các hạng mục hạ tầng hiện trạng bị ảnh hưởng trong phạm vi dự án;

- Thiết kế phương án hoàn trả đường giao thông, mương rãnh, công thoát nước, bậc lên xuống, lối đi dân sinh và các công trình liên quan nếu có;

- Bảo đảm công trình sau khi hoàn thành thuận lợi cho công tác quản lý, vận hành, kiểm tra, duy tu, bảo trì.

7.4. Yêu cầu về dự toán xây dựng công trình

Dự toán xây dựng công trình phải được lập trên cơ sở hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, khối lượng tính toán từ bản vẽ thiết kế, kết quả khảo sát, biện pháp thi công và các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Dự toán phải thể hiện đầy đủ các khoản mục chi phí xây dựng, chi phí thiết bị nếu có, chi phí tư vấn, chi phí khác và các khoản chi phí liên quan theo quy định; trong đó cần làm rõ khối lượng, đơn giá, định mức, nguồn gốc giá vật liệu, nhân công, máy thi công, cự ly vận chuyển, điều kiện thi công và các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí.

Đối với vật liệu xây dựng, đơn vị tư vấn phải ưu tiên sử dụng giá vật liệu theo công bố giá của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm lập dự toán. Trường hợp vật liệu không có trong công bố giá hoặc có biến động lớn, phải có báo giá, chứng thư thẩm định giá hoặc tài liệu chứng minh phù hợp theo quy định.

Dự toán phải được lập bằng phần mềm dự toán phù hợp, có bảng tổng hợp kinh phí, bảng phân tích đơn giá, bảng tổng hợp vật liệu, nhân công, máy thi công, bảng tính khối lượng chi tiết và các phụ lục liên quan; đồng thời bàn giao file mềm để phục vụ công tác thẩm tra, thẩm định, quản lý và cập nhật khi cần thiết.

7.5. Thành phần hồ sơ sản phẩm

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán sau khi hoàn thành phải bao gồm tối thiểu các tài liệu sau:

- Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công;
- Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất phục vụ thiết kế bản vẽ thi công;
- Các bản tính toán thủy văn, thủy lực, ổn định kết cấu kè, ổn định mái, ổn định chân kè và các tính toán kỹ thuật có liên quan;
- Bản vẽ thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục công trình;
- Bản vẽ bình đồ, trắc dọc, trắc ngang, mặt cắt điển hình, chi tiết cấu tạo các loại kè;
- Bản vẽ thiết kế nạo vét, chỉnh trị dòng chảy;
- Bản vẽ thiết kế hệ thống thoát nước, công trình trên tuyến, hoàn trả hạ tầng hiện trạng (nếu có);
- Chỉ dẫn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình xây dựng;
- Dự toán xây dựng công trình và các phụ lục dự toán kèm theo;
- Hồ sơ năng lực, chứng chỉ hành nghề của các cá nhân chủ trì, chủ nhiệm, thiết kế, kiểm tra thiết kế theo quy định;
- USB hoặc thiết bị lưu trữ dữ liệu chứa toàn bộ file mềm thuyết minh, bản vẽ, bản tính, dự toán và các tài liệu liên quan.

7.6. Yêu cầu về quy cách, chất lượng hồ sơ

Hồ sơ thiết kế, bản vẽ, dự toán phải được trình bày rõ ràng, thống nhất, có danh mục, ký hiệu bản vẽ, số hiệu bản vẽ, ngày tháng lập, chữ ký của người lập, người kiểm tra, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế và xác nhận của đơn vị tư vấn theo quy định.

Các bản vẽ phải thể hiện đúng tỷ lệ, khung tên, ký hiệu, cao độ, tọa độ, vật liệu, kích thước và chi tiết cấu tạo; bảo đảm đủ điều kiện để triển khai thi công, nghiệm thu, thanh toán và quản lý chất lượng công trình.

Hồ sơ phải được lập, kiểm tra nội bộ và hoàn thiện trước khi trình Chủ đầu tư tổ chức thẩm tra, thẩm định, phê duyệt theo quy định. Đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và trước pháp luật về tính chính xác của số liệu khảo sát, giải pháp thiết kế, khối lượng, dự toán và toàn bộ nội dung hồ sơ do mình lập.

7.7. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình

Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: 20 năm kể từ ngày bắt khai thác, sử dụng.

7.8. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng chủ yếu

- + QCVN 04 – 05: 2022/BNNPTNT: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;
- + QCVN 02-2022: Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.
- + TCVN12845: 2020: Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất CTĐT, Báo cáo NCKT tiền khả thi, Báo cáo NCKT và báo cáo kinh tế kỹ thuật;

+ TCVN 9902:2025: Đê sông – Yêu cầu thiết kế.
+ TCVN 8419:2022: Công trình bảo vệ đê, bờ sông- Yêu cầu thiết kế.
+ TCVN 8422- 2010: Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;
+ TCVN 4253-2012: Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế”
+ TCVN 13615-2022: Quy phạm tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế.
+ TCVN 9151-2012: Công trình thủy lợi- quy trình tính toán thủy lực cống dưới sâu.

+ TCVN 9162-2012: Công trình thủy lợi – Đường thi công – yêu cầu thiết kế.
+ TCVN 8218 : 2009 - Bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật;
+ Thông tư 54/2013/TT-BNNPTNT: Hướng dẫn phân cấp đê và quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;
+ TCVN 4253:2022: Nền các công trình thủy công – Yêu cầu thiết kế;
+ TCVN 10335:2014: Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lục giác xoắn phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy – Yêu cầu kỹ thuật;
+ Sổ tay kỹ thuật thủy lợi và các quy định hiện hành khác.

Và một số chỉ tiêu xây dựng liên quan.

8. Giá trị dự toán khảo sát, thiết kế BVTC (thuế VAT 8%):
1.433.129.000 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm ba mươi ba triệu, một trăm hai mươi chín ngàn đồng chẵn.).

Trong đó:

- Chi phí khảo sát địa hình, địa chất: 467.031.000 đồng.
- Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: 966.098.000 đồng.

(Chi tiết có thuyết minh nhiệm vụ, dự toán kèm theo).

Điều 2. Nhiệm vụ và dự toán khảo sát, thiết kế BVTC được phê duyệt là căn cứ lập hồ sơ khảo sát, thiết kế BVTC và dự toán, quản lý chất lượng công tác khảo sát, thiết kế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng các phòng: Kế hoạch - Kỹ thuật - Thẩm định; Tổ chức - Hành chính; Phòng Quản lý dự án và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD và các PGĐ Ban;
- Ban ĐHDA04;
- Lưu: VT, KHKTĐ, NM.Hieu.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Viết Tú